

Số: /QĐ-UBND

Tuy Phước, ngày tháng năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về chủ trương đầu tư**

**Dự án: Xây dựng hạ tầng quy hoạch khu dân cư năm 2020  
tại khu vườn Mít xóm 5, thôn Cảnh An 1, xã Phước Thành  
Hạng mục: Đường giao thông**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/06/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND huyện Tuy Phước về quy định mức vốn dự án đầu tư công nhóm C HĐND huyện giao UBND huyện phê duyệt chủ trương đầu tư;*

*Căn cứ Văn bản số 1429/UBND-TC ngày 06/9/2022 của UBND huyện Tuy Phước về việc giao nhiệm vụ lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư xây dựng hạ tầng các điểm quy hoạch khu dân cư năm 2020 tại xã Phước Thành, huyện Tuy Phước;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Ban Quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ huyện tại Tờ trình số 611/TTr-BQLDA ngày 21/9/2022 và của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tại Báo cáo số 427/BC-PTCKH ngày 20/9/2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng hạ tầng quy hoạch khu dân cư năm 2020 tại khu vườn Mít xóm 5, thôn Cảnh An 1, xã Phước Thành; Hạng mục: Đường giao thông do Ban Quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ huyện làm Chủ đầu tư, với các nội dung như sau:

**1. Mục tiêu đầu tư:** Nhằm mục đích đảm bảo giao thông đi lại và nâng cao giá trị quỹ đất trong việc đấu giá quyền sử dụng đất ở, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

**2. Quy mô đầu tư dự án:**

**2.1. San gạt mặt bằng:** San gạt mặt bằng, gốc cây, thảm thực vật và các ụ đất, xà bần... để xóa hiện trạng khu đất để tạo mặt bằng điểm dân cư, diện tích 3.662,58 m<sup>2</sup>, chiều dày đào san trung bình 15 cm.

**2.2. Đường giao thông:**

- Xây dựng nền mặt đường giao thông đường ĐS1, ĐS2, ĐS3 và ĐS4, tổng chiều dài  $L = 341$  m. Cụ thể:

- Tuyến đường ĐS1, chiều dài  $L = 70$ m (mở rộng phía dân cư)

+ Bề rộng nền đường :  $B_n = 6,5$ m.

+ Bề rộng mặt đường :  $B_m = 3,5$ m.

+ Bề rộng vỉa hè một bên :  $B_l = 1 \times 3 = 3$ m.

+ Độ dốc ngang đường :  $i_n = 2\%$ .

+ Độ dốc ngang lề đường:  $i_l = 4\%$ .

- Tuyến đường ĐS2, chiều dài  $L = 99$ m.

+ Bề rộng nền đường :  $B_n = 5$ m.

+ Bề rộng mặt đường :  $B_m = 3$ m.

+ Bề rộng lề đường :  $B_l = 1 \times 2 = 2$ m.

+ Độ dốc ngang đường :  $i_n = 2\%$ .

+ Độ dốc ngang lề đường:  $i_l = 4\%$ .

- Tuyến đường ĐS3, chiều dài  $L = 57$ m.

+ Bề rộng nền đường :  $B_n = 5$ m.

+ Bề rộng mặt đường :  $B_m = 3$ m.

+ Bề rộng lề đường :  $B_l = 1 \times 2 = 2$ m.

+ Độ dốc ngang đường :  $i_n = 2\%$ .

+ Độ dốc ngang lề đường:  $i_l = 4\%$ .

- Tuyến đường ĐS4, chiều dài  $L = 115$ m.

+ Bề rộng nền đường :  $B_n = 4$ m.

+ Bề rộng mặt đường :  $B_m = 3$ m.

+ Bề rộng lề đường :  $B_l = 0,5 \times 2 = 1$ m.

+ Độ dốc ngang đường :  $i_n = 2\%$ .

+ Độ dốc ngang lề đường:  $i_l = 4\%$ .

- Kết cấu nền mặt đường:

+ Bê tông xi măng M250 đá 2x4 dày 18cm.

+ Lớp bạt nhựa.

+ Lớp đất đắp đầm chặt K98 dày 30cm.

+ Nền đường đắp đất đầm chặt K95.

- Xây dựng tường chắn đất dọc đường ĐS4 phía giáp ruộng, kết cấu bằng tường đá chẻ xây vữa xi măng M100, giằng tường bằng BTCT M200 đá 1x2.

- Hồ cấp thay thế hồ cấp dưới lòng đường: Xây dựng hồ cấp mới bằng bê tông xi măng M200 đá 2x4, nắp đan bằng BTCT M200 đá 1x2 đúc sẵn lắp ghép.

- Xây tường bao công viên bằng gạch không nung VXM mác 75. Trát hoàn thiện VXM mác 75. Đồ BT đá 1x2 mác 200 tạo lối đi trong công viên. Lắp dụng cụ thể thao.

**3. Nhóm dự án:** Nhóm C.

**4. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án: 1.160.636.000 đồng** (Bằng chữ: Một tỷ, một trăm sáu mươi triệu, sáu trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	982.800.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	28.511.000 đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD:	86.541.000 đồng;
- Chi phí khác:	11.343.000 đồng;
- Chi phí dự phòng:	51.441.000 đồng.

**5. Nguồn vốn đầu tư và khả năng cân đối vốn:**

- Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác.

- Khả năng cân đối vốn: Từ nguồn kinh phí đấu giá quyền sử dụng đất xã Phước Thành trước khi chia tỷ lệ theo quy định (đã bố trí tại Quyết định số 5536/QĐ-UBND ngày 12/8/2022 của UBND huyện Tuy Phước).

**6. Địa điểm thực hiện dự án:** xã Phước Thành, huyện Tuy Phước.

**7. Thời gian thực hiện dự án:** Năm 2022 - 2023.

**8. Ngành, lĩnh vực, chương trình sử dụng nguồn vốn:** Công trình giao thông.

**9. Hình thức đầu tư của dự án:** theo Luật Đầu tư công.

**Điều 2.** Giao Ban Quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ huyện chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng quy định hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện, Trưởng phòng Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, Trưởng phòng Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện, Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện, Giám đốc Ban Quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ huyện và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu HS (10);
- Lưu VT.K<sub>3</sub>. T15.

**CHỦ TỊCH**

**Huỳnh Nam**